

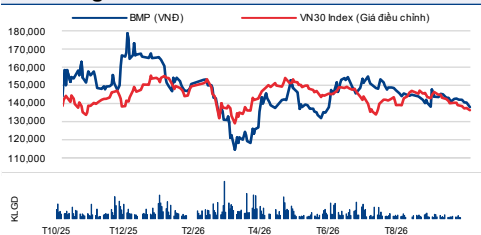
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ180,000
Tiềm năng tăng/giảm: 30.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/10/2026)	138,000
Mã Bloomberg	BMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	114,643-178,586
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	139,733
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,297
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	436
Slg CP lưu hành (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	14.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	82.1%
Tỷ lệ freefloat	33.1%
Cổ đông lớn	Nawa Plastic (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,510	5,967	6,265
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,755	1,974	2,044
LNTT (tỷ đồng)	1,539	1,725	1,770
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,229	1,377	1,413
FCF (tỷ đồng)	1,093	1,533	1,743
EPS ĐC (đồng)	15,010	16,823	17,262
DPS (đồng)	15,000	16,800	17,200
BVPS (đồng)	35,150	35,174	35,236
T.trưởng EBITDA (%)	23.3	12.4	3.58
T.trưởng EPS ĐC (%)	24.0	12.1	2.61
Tăng trưởng DPS (%)	25.1	12.0	2.38
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	31.9	33.1	32.6
Tỷ suất LNTT (%)	27.9	28.9	28.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	22.3	23.1	22.6
Tỷ lệ LN trả CT (%)	99.9	99.9	99.6
Nợ thuần/VCSH (%)	(8.26)	(7.76)	(14.0)
ROAE (%)	44.0	47.8	49.0
ROACE (%)	59.2	64.8	67.1
EV/doanh thu (lần)	1.69	1.60	1.54
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.29	4.85	4.71
P/E ĐC (lần)	9.19	8.20	7.99
P/B (lần)	3.93	3.92	3.92
Lợi suất cổ tức (%)	10.9	12.2	12.5

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhựa Bình Minh là công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội và thương hiệu hàng đầu cả nước.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Đức Thành Nhân

Chuyên viên cao cấp, CN & Công Nghệ
nhan.ndt@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q3/2026: Lợi nhuận thuần giảm 9% so với cùng kỳ, sát dự báo

- BMP công bố KQKD Q3/2026 với doanh thu thuần đạt 1.463 tỷ đồng (giảm 5% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 319 tỷ đồng (giảm 9% so với cùng kỳ), sát với dự báo của HSC.
- Doanh thu giảm chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm 11% so với cùng kỳ xuống 22.530 tấn. Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 7,6 điểm phần trăm xuống 40,3% do lượng hạt nhựa PVC tồn kho có giá vốn cao, nhưng tác động này được bù đắp một phần nhờ tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu giảm 4 điểm phần trăm so với cùng kỳ.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua nhưng vẫn diễn biến có phần tích cực hơn VN Index, BMP đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 8 lần, thấp hơn bình quân 6 năm (từ tháng 1/2020) ở mức 8,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2026

Trong Q3/2026, BMP ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.463 tỷ đồng (giảm 5% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 319 tỷ đồng (giảm 9% so với cùng kỳ), sát với dự báo của HSC. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu đi ngang so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần đạt 990 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ), lần lượt bằng 71% và 72% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.

Doanh thu Q3/2026 giảm do sản lượng tiêu thụ giảm. Lợi nhuận thuần giảm mạnh hơn khi tỷ suất lợi nhuận thuần giảm 1 điểm phần trăm xuống 21,8%, do tác động tiêu cực từ tỷ suất lợi nhuận gộp suy giảm đã lấn át tác động tích cực từ tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu giảm.

Doanh thu Q3/2026 giảm 5% do sản lượng tiêu thụ giảm

Doanh thu Q3/2026 giảm chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm 11% so với cùng kỳ xuống 22.530 tấn (nhưng tăng 11% so với quý trước). Nguyên nhân do khách hàng trì hoãn mua hàng do kỳ vọng giá sẽ giảm. Về giá bán bình quân:

- Giá bán bình quân vẫn duy trì ở mức cao, đạt 64,9 triệu đồng/tấn trong quý, tăng 7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là từ tháng 4, BMP đã tăng 15% giá niêm yết tại cả miền Bắc và miền Nam để bù đắp chi phí hạt nhựa PVC tăng sau khi xung đột giữa Mỹ/Israel và Iran leo thang vào cuối tháng 2.
- Giá bán bình quân không thay đổi đáng kể so với quý trước do giá niêm yết tại miền Nam – thị trường đóng góp hơn 90% sản lượng tiêu thụ – giữ nguyên từ tháng 4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 và 9 tháng đầu năm 2026, BMP

Lợi nhuận thuần giảm 9% svck do tỷ suất lợi nhuận gộp suy giảm, vượt tác động tích cực từ chi phí bán hàng giảm.

	Q3/26	svck	svqt	9T26	svck	% dự báo 2026
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1,463	-5%	11%	4,240	0%	71%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	22,530	-11%	11%	66,620	-7%	
Giá bán bình quân (đồng/tấn)	64.9	7%	0%	63.6	8%	
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	590	-20%	-4%	1,894	-2%	
- Tỷ suất lợi nhuận gộp	40.3%	-7.6ppts	-6.4ppts	44.7%	-1.1ppts	
Chi phí bán hàng (tỷ đồng)	-136	-33%	24%	-491	-9%	
- Chi phí bán hàng/DT	-9.3%	+4.0ppts	-1.0ppts	-11.6%	+1.1ppts	
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	319	-9%	-13%	990	2%	72%

Nguồn: BMP, HSC

Trong khi đó, BMP giảm tổng cộng 17% giá niêm yết tại miền Bắc qua hai đợt vào ngày 20/6 và 1/8 nhằm cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn hơn như Nhựa Tiền Phong (NTP; chưa khuyến nghị) trong cùng phân khúc. Tuy nhiên, miền Bắc đóng góp không đáng kể, dưới 10% tổng sản lượng tiêu thụ của BMP.

Lợi nhuận thuần giảm 9% do tỷ suất lợi nhuận suy giảm

Lợi nhuận thuần Q3/2026 giảm 9% so với cùng kỳ xuống 319 tỷ đồng do doanh thu giảm và tỷ suất lợi nhuận thuần thu hẹp 1 điểm phần trăm xuống 21,8%. Tỷ suất lợi nhuận gộp suy giảm đã lấn át tác động tích cực từ chi phí bán hàng giảm.

Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 7,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ (và 6,4 điểm phần trăm so với quý trước) xuống 40,3%, mặc dù giá bán bình quân tăng so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là lượng hàng tồn kho đầu vào có giá vốn cao (phần lớn là hạt nhựa PVC) được tích trữ trong Q2/2026. HSC cho rằng lượng hàng tồn kho này đã ảnh hưởng đáng kể đến giá vốn hàng bán trong Q3/2026 do: (1) tồn kho nguyên liệu đạt 280 tỷ đồng vào cuối Q2/2026, tăng 89% so với cuối năm 2025; và (2) giá hạt nhựa PVC bình quân tại Đông Nam Á đạt 924 USD/tấn trong Q2/2026, tăng 32% so với cùng kỳ và 18% so với quý trước.

Ở chiều ngược lại, tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu giảm 4 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống 9,3%. Chi phí bán hàng giảm 33% xuống 136 tỷ đồng, chủ yếu nhờ chi phí dành cho hệ thống phân phối giảm 70% xuống 39 tỷ đồng.

Giá hạt nhựa PVC phục hồi nhiều khả năng sẽ gây sức ép lên KQKD Q4/2026

Giá hạt nhựa PVC bình quân đạt 820 USD/tấn trong Q3/2026, tăng 18% so với cùng kỳ nhưng giảm 11% so với quý trước. Tuy nhiên, giá đã phục hồi từ tháng 8, sau khi chạm đáy 730 USD/tấn vào đầu tháng 7, cùng chiều với đà tăng trở lại của giá dầu trong bối cảnh căng thẳng giữa Mỹ/Israel và Iran tái diễn. Giá hạt nhựa PVC hiện ở mức 850 USD/tấn. HSC dự báo đà phục hồi của giá hạt nhựa PVC sẽ gây sức ép lên tỷ suất lợi nhuận trong Q4/2026 khi lượng nguyên liệu giá cao được mua từ tháng 8 trở đi bắt đầu được hạch toán vào giá vốn hàng bán.

Đáng chú ý, dự báo cả năm 2026 của HSC kết hợp với KQKD 9 tháng đầu năm cho thấy BMP cần đạt doanh thu thuần 1.727 tỷ đồng (tăng 34% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần 387 tỷ đồng (tăng 48% so với cùng kỳ) trong Q4/2026. HSC cho rằng các mức này khá cao so với triển vọng hiện tại.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và các dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 4% trong 1 tháng qua nhưng vẫn diễn biến tích cực hơn VN Index, BMP đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 8 lần, thấp hơn bình quân 6 năm (từ tháng 1/2020) ở mức 8,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu, đồng thời rà soát lại các dự báo do giá hạt nhựa PVC duy trì ở mức cao lâu hơn dự kiến trong bối cảnh xung đột giữa Mỹ/Israel và Iran kéo dài.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,616	5,510	5,967	6,265	6,578
Lợi nhuận gộp	1,989	2,540	2,921	2,950	3,019
Chi phí BH&QL	(676)	(877)	(1,045)	(1,003)	(1,021)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,313	1,663	1,876	1,947	1,998
Lãi vay thuần	(83.6)	(129)	(156)	(181)	(207)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(0.50)	1.08	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	11.6	4.08	4.42	4.64	4.87
LNTT	1,241	1,539	1,725	1,770	1,796
Chi phí thuế TNDN	(250)	(310)	(348)	(357)	(362)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	991	1,229	1,377	1,413	1,434
Lợi nhuận thuần ĐC	991	1,229	1,377	1,413	1,434
EBITDA ĐC	1,424	1,755	1,974	2,044	2,096
EPS (đồng)	12,103	15,010	16,823	17,262	17,520
EPS ĐC (đồng)	12,103	15,010	16,823	17,262	17,520
DPS (đồng)	11,990	15,000	16,800	17,200	17,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	504	297	289	471	429
Đầu tư ngắn hạn	1,410	1,760	1,492	1,253	987
Phải thu khách hàng	178	129	235	249	354
Hàng tồn kho	464	525	627	658	822
Các tài sản ngắn hạn khác	40.6	47.0	51.0	53.5	72.4
Tổng tài sản ngắn hạn	2,596	2,758	2,693	2,684	2,665
TSCĐ hữu hình	278	309	324	346	374
TSCĐ vô hình	6.32	6.20	17.3	18.9	20.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2.00	4.00	4.00	4.00	4.00
Đầu tư vào Cty LD,LK	61.8	62.9	62.9	62.9	62.9
Tài sản dài hạn khác	256	239	298	313	329
Tổng tài sản dài hạn	604	620	707	745	790
Tổng cộng tài sản	3,200	3,379	3,400	3,429	3,456
Nợ ngắn hạn	54.9	54.9	59.7	62.7	65.8
Phải trả người bán	172	111	107	116	125
Nợ ngắn hạn khác	174	227	245	257	270
Tổng nợ ngắn hạn	481	484	503	527	552
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	499	501	520	545	570
Vốn chủ sở hữu	2,702	2,877	2,879	2,884	2,886
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,702	2,877	2,879	2,884	2,886
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,200	3,379	3,400	3,429	3,456
BVPS (đ)	33,003	35,150	35,174	35,236	35,255
Nợ thuần/(tiền mặt)	(449)	(243)	(229)	(409)	(364)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,313	1,663	1,876	1,947	1,998
Khấu hao	(111)	(92.5)	(97.7)	(97.8)	(97.9)
Lãi vay thuần	(83.6)	(129)	(156)	(181)	(207)
Thuế TNDN đã nộp	(259)	(302)	(348)	(357)	(362)
Thay đổi vốn lưu động	(118)	(10.1)	278	436	248
Khác	33.4	(11.5)	2.44	15.8	27.8
LCT thuần từ HKKD	889	1,216	1,658	1,865	1,710
Đầu tư TS dài hạn	(97.7)	(123)	(124)	(121)	(127)
Góp vốn & đầu tư	(1,130)	(1,288)	(268)	(239)	(266)
Thanh lý	911	940	0	0	0
Khác	80.1	92.3	96.5	83.3	71.4
LCT thuần từ HĐĐT	(237)	(379)	(296)	(277)	(322)
Cổ tức trả cho CSH	(969)	(1,044)	(1,375)	(1,408)	(1,433)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(0.27)	0	4.77	2.98	3.13
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(970)	(1,044)	(1,371)	(1,405)	(1,429)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	821	504	297	289	471
LCT thuần trong kỳ	(317)	(207)	(8.88)	183	(41.8)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.03	0.05	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	504	297	289	471	429
Dòng tiền tự do	792	1,093	1,533	1,743	1,582

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	43.1	46.1	49.0	47.1	45.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	30.9	31.9	33.1	32.6	31.9
Tỷ suất LNT (%)	21.5	22.3	23.1	22.6	21.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.1	20.2	20.2	20.2	20.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(10.5)	19.4	8.30	5.00	5.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(5.39)	23.3	12.4	3.58	2.51
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(4.83)	24.0	12.1	2.61	1.49
Tăng trưởng EPS (%)	(4.83)	24.0	12.1	2.61	1.49
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(4.83)	24.0	12.1	2.61	1.49
Tăng trưởng DPS (%)	(5.22)	25.1	12.0	2.38	1.74
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	99.1	99.9	99.9	99.6	99.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	36.8	44.0	47.8	49.0	49.7
ROACE (%)	48.4	59.2	64.8	67.1	68.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.43	1.67	1.76	1.83	1.91
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.68	0.73	0.88	0.96	0.86
Số ngày tồn kho	64.4	64.5	75.1	72.4	84.3
Số ngày phải thu	24.7	15.9	28.2	27.4	36.3
Số ngày phải trả	23.9	13.7	12.8	12.8	12.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(16.3)	(8.26)	(7.76)	(14.0)	(12.4)
Nợ/tài sản (%)	1.95	1.77	1.91	1.99	2.07
EBIT/lãi vay (lần)	15.7	12.9	12.0	10.7	9.67
Nợ/EBITDA (lần)	0.04	0.03	0.03	0.03	0.03
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.40	5.70	5.36	5.09	4.83
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.04	1.69	1.60	1.54	1.51
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.63	5.29	4.85	4.71	4.75
P/E (lần)	11.4	9.19	8.20	7.99	7.88
P/E ĐC (lần)	11.4	9.19	8.20	7.99	7.88
P/B (lần)	4.18	3.93	3.92	3.92	3.91
Lợi suất cổ tức (%)	8.69	10.9	12.2	12.5	12.7

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn